

THUYẾT MINH CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ GIAI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM

(Kèm theo Kế hoạch số: 1637 /KH-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Đơn vị	Kết quả thực hiện giai đoạn 2022-2023						Kế hoạch đào tạo nghề cho người lao động giai đoạn 2024-2025						Giai đoạn 2022-2025
		Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025			
		Tổng số	Nghề nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	Tổng số	Nghề nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	Tổng số	Nghề nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	Tổng số	Nghề nông nghiệp	Nghề phi nông nghiệp	
1	Huyện Ia H'Drai	0	0	0	0	0	0	299	264	35	145	135	10	444
2	Huyện Đắk Hà	302	120	182	312	218	94	460	350	110	422	322	100	1.496
3	Huyện Sa Thầy	362	304	58	414	414	0	370	300	70	370	300	70	1.516
4	Huyện Đắk Glei	233	153	80	350	280	70	385	315	70	420	350	70	1.388
5	Huyện Kon Rẫy	385	280	105	483	238	245	450	205	245	450	245	205	1.768
6	Thành phố Kon Tum	234	98	136	96	49	47	77	77	0	25	25	0	432
7	Huyện Tu Mơ Rông	713	525	188	340	340	-	770	385	385	770	385	385	2.593
8	Huyện Kon Plông	159	80	79	357	204	153	650	390	260	660	325	335	1.826
9	Huyện Ngọc Hồi	460	392	68	469	469	0	480	302	178	480	302	178	1.889
10	Huyện Đắk Tô	271	204	67	390	359	31	410	350	60	410	350	60	1.481
	Tổng cộng	3.119	2.156	963	3.211	2.571	640	4.351	2.938	1.413	4.152	2.739	1.413	14.833

CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NGHỀ GIÁM ĐỐC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP
GIẢI ĐOẠN 2022 - 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Kèm theo Kế hoạch số: 1637 /KH-UBND ngày 14 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

DVT: người

TT	Địa phương	Giai đoạn 2022-2025	Năm 2024	Năm 2025
Toàn tỉnh		205	80	125
1	Huyện Kon Plông	22	10	12
2	Huyện Kon Rẫy	14	4	10
3	Huyện Sa Thầy	22	10	12
4	Huyện Đăk Hà	27	11	16
5	Huyện Đăk Tô	17	5	12
6	Huyện Tu Mơ Rông	21	9	12
7	Huyện Ngọc Hồi	17	6	11
8	Huyện Đăk Glei	15	6	9
9	Huyện Ia H'Drai	19	6	13
10	Thành phố Kon Tum	31	13	18